

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 2 - 2026

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: Ông Chăm Xuân Thủy.

Ông Vũ Văn Nghĩa.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 09/2026/TLHNGĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc Xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2025/HNGĐ-ST ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lò Thị C, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Bản Pọng, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú hiện tại: Bản K, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Cà Văn P, sinh năm: 1980; nơi ĐKKHKT: Bản Pọng, xã H, thành phố S, tỉnh Sơn La; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Y - Cục A, Bộ C1. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, trình bày:

Chị C và anh P kết hôn với nhau ngày 09/01/2006 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã M, huyện M, tỉnh

Sơn La. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, phát sinh do anh P không tu chí làm ăn và mắc vào tệ nạn xã hội và bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang đi chấp hành án phạt tù với thời hạn 06 năm 06 tháng tù. Trước đây khi anh P chưa phạm tội thì chị đã khuyên giải anh P nhiều lần nhưng anh P không khắc phục được.

Mâu thuẫn vợ, chồng đã được hai bên gia đình, bạn bè và bản thân chị cố gắng khắc phục nhưng không thành. Đến nay, chị C đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị C kiên quyết xin được ly hôn anh Cà Văn P.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Cà Thị H, sinh ngày 13/3/2009 và cháu Cà Văn S, sinh ngày 07/7/2010, hiện nay hai cháu đang chung sống với chị tại bản Két, xã T, huyện M và hai cháu đang đi học tại Trường Tiểu học và THCS xã T, huyện M, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh P đang chấp hành án, không có điều kiện để nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có tài sản riêng.

Về nợ chung: Chị C cam đoan không có nợ chung.

Theo bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn, trình bày:

Về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn anh nhất trí như chị C đã trình bày. Anh, chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống anh, chị vẫn hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên do anh phạm tội hình sự và đang phải đi chấp hành án tại Trại giam Y. Tuy nhiên, anh P xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C, anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Cà Thị H, sinh ngày 13/3/2009 và cháu Cà Văn S, sinh ngày 07/7/2010, hiện nay hai cháu đang chung sống với chị C tại bản Két, xã T, huyện M. Trong trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2025/HNGĐ-ST ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị C được ly hôn anh Cà Văn P.
2. Về con chung:

Giao cháu Cà Thị H, sinh ngày 13/3/2009 và cháu Cà Văn S, sinh ngày 07/7/2010 cho chị Lò Thị Cương trực T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Cà Văn P, không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không được trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về tài sản riêng: Không có.
5. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án sơ thẩm: Ngày 02/02/2024, bị đơn anh Cà Văn P làm đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án sơ thẩm đã tuyên, trong đơn kháng cáo anh P không nhất trí về việc ly hôn và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các tài sản chung sau: 01 ngôi nhà sàn; 02 xe máy; 24 con dê mua gần 70.000.000đ; 02 con bò đẻ; 01 con lợn nái đẻ; gà vịt khoảng 80 con + tivi + tủ lạnh + đồ gia dụng; tiền sinh hoạt + tiền tích lũy khoảng 27.000.000đ; nợ chung của hai vợ chồng tổng 60.000.000đ (trong đó nợ ông H1 ở bản Pọng 30.000.000đ; nợ ông T1 ở bản Mé Ban 30.000.000đ) nợ chưa trả.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2025/HNGĐ-ST ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Do không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị C; bị đơn anh Cà Văn P đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại Điều 272 BLTTDS, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Chị Lò Thị C khởi kiện về việc Xin ly hôn giữa chị C và anh Cà Văn P, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ đúng quy định.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Xét về quan hệ hôn nhân: Sau khi xử sơ thẩm, tại đơn kháng cáo anh P không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị C, mong muốn được đoàn tụ gia đình cùng nhau chung sống hạnh phúc sau khi hết án trở về tuy nhiên nếu chị C kiên quyết ly hôn anh yêu cầu tòa xem xét, giải quyết số tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày, chị C kiên quyết xin ly hôn với anh P vì không còn tình cảm vợ chồng, chị cũng đã tạo điều kiện cho anh nhiều cơ hội để sửa chữa khuyết điểm nhưng không được; Hiện nay anh phong đang phải chấp hành bản án hình sự số 141/2019/HSST ngày 14/11/2019 hình phạt là 6 năm, chị không chấp nhận đoàn tụ gia đình.

Cấp sơ thẩm đã xác minh, đánh giá, xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị C được ly hôn anh P là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

2.2 Về phần tài sản chung, nợ chung:

Đối với kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết các tài sản chung sau: 01 ngôi nhà sàn; 02 xe máy; 24 con dê mua gần 70.000.000đ; 02 con bò đê; 01 con lợn nái đê; gà vịt khoảng 80 con + tivi + tủ lạnh + đồ gia dụng; tiền sinh hoạt + tiền tích lũy khoảng 27.000.000đ; Ngoài ra còn có nợ chung của hai vợ chồng tổng 60.000.000đ (trong đó nợ ông H1 ở bản Pọng 30.000.000đ; nợ ông T1 ở bản Mé Ban 30.000.000đ) nợ trước khi anh P bị bắt vợ chồng vẫn chưa trả.

Quá trình giải quyết sơ thẩm anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, Về nợ chung: anh P, chị C đều xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ với các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự Cấp sơ thẩm đã tuyên Bản án không có nợ chung, không đặt ra giải quyết là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định.

Xét thấy, kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn P vượt quá phạm vi giải quyết của vụ án được xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn anh Cà Văn P có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn bằng một vụ án dân sự khác.

Về con chung: Hai bên nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, chấp nhận về hình thức, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn P, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2025/HNGĐ-ST ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn P nên buộc phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Không có kháng cáo không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn anh Cà Văn P; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2025/HNGĐ-ST ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận kháng cáo, đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, cụ thể:

+ Bị đơn anh Cà Văn P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào Biên lai số 0001471 ngày 11/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/2/2026)/.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn la, tỉnh

Sơn La;

- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan